

Bản án số: 19/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 28/07/2017

V/v: Tranh chấp về ly hôn và nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN - NINH BÌNH

-Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân :

- Ông Lưu Danh Sử.

- Ông Tạ Khắc Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh -Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2017/TLST- HNGĐ ngày 10/04/2017 về việc “Tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2017/QĐST-HNGĐ ngày 26/06/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2017/QĐHPT-ST ngày 12/07/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị T có mặt).

Bị đơn: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 18/03/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện N cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

1. Về hôn nhân: Ngày 18/01/2013 chị đăng ký kết hôn với anh Vũ Văn T, sinh năm 1990 tại Ủy ban nhân dân xã Phú Sơn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi

kết hôn vợ chồng chị sống cùng với mẹ đẻ anh T tại thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc được đến khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính nhau, anh T thường xuyên cãi láo với bố mẹ đẻ chị T. Mâu thuẫn sâu sắc nhất là đầu tháng 02/2014 cũng vì nguyên nhân trên mà vợ chồng va chạm cãi chửi, đánh nhau. Chị T bế con về nhà bố mẹ đẻ chị T ở xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Kể từ đó vợ chồng chính thức ly thân không ai quan tâm đến ai cho đến nay. Chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn vì vợ chồng sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn T.

2. Về con chung: Vợ chồng chị Thu có 01 con chung là cháu Vũ Thị H, sinh ngày 13/11/2013. Hiện nay cháu H đang ở với chị T. Chị T có nguyện vọng tiếp tục nuôi con chung vì từ khi vợ chồng ly thân anh T không quan tâm gì đến cháu. Mặt khác, cháu H bị chậm phát triển trí tuệ nên cần chị T chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 10/04/2017 Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý vụ án về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Đơn khởi kiện của chị Lê Thị T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

* Về thủ tục tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn anh Vũ Văn T không chấp hành các quy định của pháp luật không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

* Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 5; Điều 147; Điều 266; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 BLTTDS; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý hôn giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Văn T.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Thị H, sinh ngày 13/11/2013 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung .

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N nay chuyển sang án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Theo xác định của Ủy ban nhân dân xã P thì Thời điểm chị T làm đơn khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con với anh T thì anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Mặt khác, bố đẻ anh T là ông Vũ Văn T xác định hiện anh T vẫn sinh sống với gia đình tại thôn B, xã P cho đến nay. Tuy nhiên vì gia đình theo Công giáo nên không được ly hôn nên anh T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện N ông T và em trai anh T đã trực tiếp nhận và đã thông báo cho anh T. Điều đó chứng tỏ các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt hợp lệ nhưng anh T không chấp hành. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Nho Quan căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà pháp luật đã quy định.

2. Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T sống cùng với mẹ anh T tại thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống vợ chồng chị T và anh T hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi lẫn nhau. Nguyên nhân chính dẫn tới mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không hợp tính nhau, anh T thường xuyên cãi láo với bố mẹ đẻ chị T. Mâu thuẫn sâu sắc nhất là đầu tháng 02/2014 cũng vì nguyên nhân trên mà vợ chồng va chạm cãi chửi, đánh nhau. Chị T bế con về nhà bố mẹ đẻ chị T ở xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Kể từ đó vợ chồng chính thức ly thân không ai quan tâm đến ai cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên HĐXX chấp nhận.

3. Về con chung:

Xét yêu cầu của chị T xin tiếp tục nuôi con chung là cháu Vũ Thị H, sinh ngày 13/11/2013. Hội đồng xét xử thấy: Các văn bản tố tụng đã tổng đạt hợp lệ cho anh T đều có nội dung thể hiện việc chị T có yêu cầu xin tiếp tục nuôi con chung nhưng

anh T không đến Tòa án làm việc hoặc có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của chị T. Mặt khác, cháu H bị chậm phát triển trí tuệ vẫn chưa biết đi và chưa biết nói rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của chị T. Do vậy, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu H theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thấy cần giao con chung cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

4. Về tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: chị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 5; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: - Các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Xử lý hôn giữa chị Lê Thị T và anh Vũ Văn T.

2. Về con chung:

Giao cháu Vũ Thị H, sinh ngày 13/11/2013 cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Hiện cháu H đang ở với chị T. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

Chị T phải nộp tiền án ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị T đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000414 ngày 10/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nho Quan nay chuyển sang án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc công chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- UBND xã P;
- Dương sự;
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

ĐÀO THỊ HUỆ